

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H thì nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Nguyễn Thị H tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc, đến khoảng năm 1998 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn tới cuộc sống vợ chồng không hoà thuận, hay cãi nhau; chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Đến năm 2004, vợ chồng mâu thuẫn càng thẳng hơn, thường xuyên xảy ra cãi vã; đến khoảng năm

2009, 2010 vợ chồng ly thân nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Năm 2012, chị H làm đơn ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị H nên đã ký vào đơn. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Chị Nguyễn Thị H xác định: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 01 - 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H ham chơi cờ bạc, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không nghe, còn đánh chị. Đến năm 2004 khi chị mang thai cháu thứ 3, anh H không quan tâm đến gia đình, vợ con, bỏ đi làm ăn và chị còn nghe nói anh H quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Năm 2010, anh H về nhà bảo chị viết đơn ly hôn để anh H ký vào đơn, do bị anh H đánh chửi nhiều lần chị xác định không thể chung sống được với anh H nữa, nên đến năm 2014 chị đã làm đơn ly hôn với anh H gửi ra UBND xã C, nhưng do anh H bỏ đi làm ăn, không có địa chỉ nên chị chưa ly hôn với anh H được. Nay anh H xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Anh H và chị H đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988; cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Nam Phương Hải A, sinh ngày 06/10/2004. Cháu Hằng và cháu Quỳnh A đã có gia đình riêng, còn cháu Hải A do chị H đang nuôi dưỡng.

Anh H và chị H thoả thuận giao cháu Hải A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Đối với cháu H và cháu Quỳnh A đều đã trên 18 tuổi, tự lập nên anh H và chị H đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh H và chị H đều xác nhận vợ chồng có những tài sản chung gồm:

+ Về đất: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 39, tờ bản đồ số 40) ở thôn 7 (xóm 15 cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, diện tích là 1060m² (trong đó: đất ở 300m², đất vườn là 370m², đất ao là 390m²), đã được UBND huyện Lý Nhân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 18/10/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H.

+ Về công trình, vật kiến trúc trên đất: Nhà cấp 4, diện tích 40,32m², bể nước ăn, bếp lợp pro xi măng, nhà vệ sinh, nhà tắm, chuồng lợn, sân trệt xi măng, trụ cổng (02 trụ), tường dậu xây gạch đỏ, tường dậu xây gạch bi.

+ Về tài sản sinh hoạt: 01 tủ chè gỗ gụ đã cũ, 01 bộ bàn ghế xa lông lan (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế tựa ngắn) đã cũ, 01 giường đôi (1,6m x 02m) đã cũ.

+ Về cây cối, hoa màu trên đất: 08 cây bưởi (03 cây trồng được khoảng 10 năm, 05 cây trồng được khoảng 03 năm); 09 cây hồng xiêm; 02 cây xấu (khoảng 20 năm tuổi).

Toàn bộ những tài sản nêu trên đều do chị Hiền quản lý, sử dụng từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Ngoài ra, anh H, chị H còn xác định vợ chồng có một số tài sản sinh hoạt chung khác nhưng đều đã cũ, hỏng nên các đương sự không yêu cầu định giá và đều không yêu cầu Toà án giải quyết, các đương sự tự thoả thuận phân chia.

Nếu vợ chồng ly hôn:

+ Về đất: Anh H đề nghị Toà án chia đất là tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật, mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản bằng hiện vật. Anh H đề nghị chia cho anh phần đất tại vị trí phía Nam (trên đất không có công trình, vật kiến trúc). Anh H không đồng ý chia thêm cho chị H 05m mặt đường, chiều dài hết thửa đất như chị H yêu cầu.

Chị H đề nghị chia đất cho chị tại vị trí phía Bắc, phần đất có nhà, bếp, chuồng lợn, nhà tắm, sân, bể nước của vợ chồng và lán do chị tự xây dựng. Chị H đề nghị được hưởng thêm về đất chiều dài 05m mặt đường, chiều sâu chạy dài hết thửa đất vì lý do: Khi vợ chồng ly thân, chị H một mình nuôi dưỡng các con ăn học, trong khi đó anh H không có trách nhiệm gì; chị H là người trông nom, sử dụng, đóng thuế đất với Nhà nước.

+ Về nhà, công trình, vật kiến trúc trên đất: Anh H đề nghị Toà án chia đôi về giá trị, mỗi người hưởng 1/2 giá trị tài sản chung của vợ chồng. Anh H đồng ý để chị Hiền được sử dụng bằng hiện vật. Chị H đề nghị được sử dụng nhà và toàn bộ các công trình, vật kiến trúc của vợ chồng, trên phần đất chị được chia, chị đồng ý thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản cho anh H. Chị H đề nghị Toà án xem xét tính công sức thêm cho chị trong thời gian anh H đi vắng, chị đã tự xây dựng, kiến thiết được hơn 40m tường dậu mặt đường phía đông và 02 trụ cổng.

+ Về tài sản sinh hoạt: Anh H và chị H đều đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu ai được sử dụng tài sản sinh hoạt thì không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bên kia.

+ Về cây cối, hoa màu trên đất: Anh H và chị H đều không yêu cầu Toà án định giá tài sản để phân chia. Đề nghị Toà án chia đất, ai được hưởng đất đến đâu, trên đất có cây cối, hoa màu nào thì được hưởng cây cối, hoa màu đó, không phải trả chênh lệch về giá trị tài sản cho bên kia.

- *Về tài sản riêng:* Anh H và chị H đều thống nhất và xác nhận chị H có tài sản riêng là 02 lán (01 lán lợp tôn, trần nhựa xây dựng năm 2019, diện tích là 24,8m²; 01 lán lợp pro xi măng xây dựng năm 2020, diện tích là 39m²) nằm trên thửa đất số 42, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 39, tờ bản đồ số 40) ở thôn 7 (xóm 15 cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, do chị H đang quản lý, sử dụng. Anh H và chị H đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản riêng nên chị H được sở hữu, sử dụng. Trường hợp anh H được chia phần đất có là tài sản riêng của chị H thì anh H phải thanh toán giá trị tài sản riêng cho chị H.

- Về công nợ và các vấn đề khác: Anh H và chị H đều xác định vợ chồng không nợ ai nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản, anh H và chị H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/8/2020, Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản đang có tranh chấp theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H đều nhất trí với kết quả thẩm định, định giá và không có ý kiến khiếu nại gì.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn, anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng về tài sản là đồ dùng sinh hoạt anh cũng yêu cầu Toà án chia theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn, chị Nguyễn Thị H nhất trí ly hôn với anh H và giải quyết về việc con chung. Về tài sản chung: Đề nghị chia cho chị đất tại vị trí phía Bắc, phần đất có các công trình, vật kiến trúc và lán do chị tự xây dựng. Chị H đề nghị được hưởng thêm về đất chiều dài 05m mặt đường, chiều sâu chạy dài hết thửa đất và công sức chị xây dựng, kiến thiết được hơn 40m tường dậu mặt đường phía đông và 02 trụ cổng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H, chị H theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nam Phương Hải A, sinh ngày 06/10/2004 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Đối với cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998, cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1992 đều đã trên 18 tuổi, tự lập nên không xem xét.

Về tài sản chung: Tổng giá trị tài sản chung là 282.667.000 đồng. Xét thấy bà H có công sức quản lý, xây dựng, tôn tạo, sửa chữa tài sản chung của vợ chồng khi vợ chồng sống ly thân, nên chia bà H được hưởng 60% giá trị tài sản chung tương đương ứng 169.000.000 đồng; chia ông H được hưởng 40% giá trị tài sản chung tương ứng 113.066.000 đồng là phù hợp.

+ Chia cho anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng những tài sản sau: Đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 39, tờ bản đồ số 40) ở thôn 7 (xóm 15 cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, vị trí phía Nam thửa đất, diện tích là 500m², trong đó: Đất ở 150m², đất vườn 110m², đất ao 240m²; 24,07m tường dậu xây gạch bi, trị giá: 3.584.263 đồng. Tổng trị giá tài sản là 113.827.000 đồng và toàn bộ cây cối, hoa màu trên phần đất anh H được chia.

+ Chia cho chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng những tài sản sau: Đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 39, tờ bản đồ số 40) ở thôn 7 (xóm 15 cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, vị trí phía Bắc thửa đất, diện tích là 520m², trong đó: Đất ở 150m², đất vườn 260m², đất ao 110m²; nhà cấp 4, bể nước ăn, bếp lợp pro xi măng, nhà vệ sinh, nhà tắm, chuồng lợn, sân trệt xi măng, trụ cổng (02 trụ), 1,63m tường dậu xây gạch bi, 05m tường dậu xây gạch đỏ, 01 tủ chè gỗ gụ đã cũ, 01 bộ bàn ghế xa lông lan (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế tựa ngắn) đã cũ, 01 giường đôi (1,6m x 02m) đã cũ và toàn bộ cây cối, hoa màu trên phần đất chị H được chia. Tổng trị giá tài sản là 169.600.000 đồng.

Về tài sản riêng: Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, sử dụng tài sản riêng gồm 02 lán (trong đó: 01 lán lợp tôn, trần nhựa, trị giá: 17.715.000 đồng; 01 lán lợp pro xi măng, trị giá: 21.700.000 đồng), tổng giá trị là: 39.415.000 (*Ba mươi chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn*) đồng, đều nằm trên phần diện tích đất của chị H được chia.

Về công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do anh Nguyễn Văn H cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H đều xác nhận anh chị lấy nhau tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán tại địa phương, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào năm 1988 do thời gian đã lâu và quá trình chuyển đổi chỗ ở Giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc, nên các đương sự không cung cấp cho Tòa án được và cùng thống nhất ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, xác định hiện nay sổ sách đăng ký kết hôn tại UBND

xã từ năm 1998 trở về trước không còn lưu giữ. Thực tế anh H, chị H có tổ chức cưới hỏi và sống với nhau từ năm 1988 đến nay, anh chị đã có với nhau ba con chung và các tài sản như anh chị cung cấp tại Toà án. Do đó, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp.

Sau ngày cưới, anh H, chị H chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình. Anh H cho rằng chị H đi ngoại tình với người đàn ông khác. Chị H cho rằng Anh H chơi bời, cờ bạc, bỏ nhà đi làm ăn xa, cặp bồ với người phụ nữ khác, không quan tâm tới gia đình, vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 cho tới nay. Xét thấy, anh H, chị H đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng không thể đoàn tụ được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh H và quan điểm thuận tình ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị H đều thống nhất vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh 1988; cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Nam Phương Hải A, sinh ngày 06/10/2004. Cháu H và cháu Quỳnh A hiện nay đều trên 18 tuổi, tự lập, còn cháu Hải A hiện nay do chị H nuôi dưỡng.

Anh H và chị H đã tự thoả thuận: Giao cháu Hải A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, cháu Hải A có nguyện vọng xin ở với chị H anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Đối với cháu H và cháu Quỳnh A đều đã trên 18 tuổi, tự lập, các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy, thoả thuận trên của các đương sự là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản:

- *Về tài sản chung*: Tại phiên toà, anh H và chị H đều xác nhận anh chị có những tài sản chung đã được Toà án tiến hành thẩm định, định giá, gồm:

+ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 39, tờ bản đồ số 40) ở thôn 7 (xóm 15 cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, diện tích là 1060m² (trong đó: đất ở 300m², đất vườn là 370m², đất ao là 390m²), đã được UBND huyện Lý Nhân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H. Theo đo đạc thực tế của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam ngày 04/8/2020 thì diện tích thực tế thửa đất là 1020m², do một phần diện tích 40m² đất ao gia đình đã hiến để làm đường nông thôn, trong đó: đất ở: 300m², trị giá 150.000.000 đồng; đất vườn: 370m², trị giá: 37.000.000 đồng; đất ao: 350m², trị giá: 35.000.000 đồng, tổng giá trị đất là: 222.000.000 (Hai trăm hai mươi hai triệu) đồng.

+ Nhà cấp 4, diện tích 40,32m², trị giá: 29.140.000 đồng;

- + Bể nước ăn 07m³ (3,2x1,7x1,3), trị giá: 2.993.000 đồng;
- + Bếp lợp pro xi măng, diện tích 17,83m², trị giá: 5.073.000 đồng;
- + Nhà vệ sinh, diện tích 1,8m², trị giá: 887.000 đồng;
- + Nhà tắm, diện tích 4,5m², trị giá: 1.401.000 đồng;
- + Chuồng lợn, diện tích 21,28m², trị giá: 4.411.000 đồng;
- + Sân trát xi măng, diện tích 7,7m², trị giá: 2.556.000 đồng;
- + Trụ cổng (02 trụ), trị giá: 1.230.000 đồng;
- + Tường dậu xây gạch đỏ, trị giá: 1.149.000 đồng;
- + Tường dậu xây gạch bi, trị giá: 3.827.000 đồng;
- + 01 tủ chè gỗ gụ đã cũ, trị giá: 7.000.000 đồng;
- + 01 bộ bàn ghế xa lông lan (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế tựa ngắn) đã cũ, trị giá: 600.000 đồng;
- + 01 giường đôi (1,6m x 02m) đã cũ, trị giá: 400.000 đồng;
- + Tài sản không yêu cầu định giá gồm: 08 cây bưởi (03 cây trồng được khoảng 10 năm, 05 cây trồng được khoảng 03 năm); 09 cây hồng xiêm; 02 cây xấu (khoảng 20 năm tuổi).

Tổng cộng: 282.667.000 (*Hai trăm tám mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng.

Quá trình chung sống, anh H và chị H đã kiến thiết, tạo lập nên được khối tài sản nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định những tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng anh H và chị H.

- *Về tài sản riêng*: Anh H - chị H đều xác nhận chị H có tài sản riêng là 02 lán (trong đó: 01 lán lợp tôn, trần nhựa, trị giá: 17.715.000 đồng; 01 lán lợp pro xi măng, trị giá: 21.700.000 đồng), tổng trị giá là: 39.415.000 (*Ba mươi chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn*) đồng. Đây là tài sản riêng của chị H các đương sự không có tranh chấp, nên chị H được toàn quyền sở hữu, sử dụng tài sản riêng.

Toàn bộ những tài sản nêu trên đều nằm trên thửa đất số 42, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 39, tờ bản đồ số 40) ở thôn 7 (xóm 15 cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, do chị H đang quản lý, sử dụng. Anh H, chị H còn xác định vợ chồng còn có một số tài sản sinh hoạt chung khác nhưng đều đã cũ, hỏng nên các đương sự không yêu cầu định giá và đều không yêu cầu Toà án giải quyết, các đương sự tự thỏa thuận phân chia.

Xét yêu cầu chia tài sản chung của anh H, chị H thấy: Anh chị đều có công sức trong việc tạo lập khối tài sản chung nên đều được quyền hưởng tài sản theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân, chị H là người quản lý, trông coi, làm tăng giá trị tài sản, nộp thuế đất với nhà nước, chị H có công

sức nhiều hơn nên chia cho chị H phần tài sản nhiều hơn anh H như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét chia anh H, chị H được quyền sử hữu, sử dụng tài sản, gồm:

+ Chia anh H được quyền sở hữu, sử dụng đất tại vị trí phía Nam thửa đất, diện tích là 500m², trong đó: Đất ở 150m², đất vườn 110m², đất ao 240m², tổng giá trị đất là: 110.000.000 (*Một trăm mười triệu*) đồng; 24,07m tường dậu xây gạch bi, trị giá: 3.584.263 đồng và toàn bộ cây cối, hoa màu trên phần đất anh H được chia.

+ Chia chị H được quyền sở hữu, sử dụng đất tại vị trí phía Bắc thửa đất, diện tích là 520m², trong đó: Đất ở: 150m², đất vườn 260m², đất ao 110m², tổng giá trị đất là: 112.000.000 (*Một trăm mười hai triệu*) đồng; nhà cấp 4, bể nước ăn, bếp lợp pro xi măng, nhà vệ sinh, nhà tắm, chuồng lợn, sân trệt xi măng, trụ cổng (02 trụ), 1,63m tường dậu xây gạch bi, 05m tường dậu xây gạch đỏ, 01 tủ chè gỗ gụ đã cũ, 01 bộ bàn ghế xa lông lan (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế tựa ngắn) đã cũ, 01 giường đôi (1,6m x 02m) đã cũ, trị giá tài sản trên đất là 60.667.000 đồng và toàn bộ cây cối, hoa màu trên phần đất chị H được chia.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H không phải thanh toán trả chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

Ngoài ra, chị H được quyền sở hữu, sử dụng tài sản riêng của chị là 02 lán (trong đó: 01 lán lợp tôn, trần nhựa; 01 lán lợp pro xi măng, đều nằm trên phần diện tích đất của chị H được chia.

[5] Về công nợ: Anh H và chị H đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí định thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 5.311.800 đồng. Anh H, chị H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật nên anh H và chị H mỗi người phải chịu 1/2 chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2.655.900 đồng. Anh H đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản và đã quyết toán xong, nên chị H phải có trách nhiệm thanh toán trả anh H số tiền 2.655.900 đồng, làm tròn thành 2.656.000 đồng.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144, 147, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 59, 62, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nam Phương Hải A, sinh ngày 06/10/2004 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Hải Anh đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

- Chia cho anh Nguyễn Văn H được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản gồm: Đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 39, tờ bản đồ số 40) ở thôn 7 (xóm 15 cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, vị trí phía Nam, diện tích là 500m², trong đó: Đất ở 150m², đất vườn 110m², đất ao 240m²; 24,07m tường dậu xây gạch bi.

Tổng trị giá tài sản anh H được chia là 113.584.263đ (Một trăm mười ba triệu năm trăm tám mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng) và toàn bộ cây cối, hoa màu trên phần đất anh H được chia.

Tứ cận thửa đất như sau (có sơ đồ chia tách đất kèm theo):

+ Cạnh phía Đông giáp đường trục xã, lấy điểm đầu là vị trí số 3 làm chuẩn, là điểm nối từ vị trí số 3 đến vị trí số 5 dài 22,35m và điểm nối từ vị trí số 5 đến vị trí số 6 dài 1,72m;

+ Cạnh phía Tây giáp hộ ông Phạm Văn N, lấy điểm đầu là vị trí số 7 làm chuẩn, nối từ vị trí số 7 đến vị trí số 9 dài: 23,07m;

+ Cạnh phía Nam giáp ngõ hộ ông Nguyễn Văn Q, lấy điểm đầu là vị trí 6 làm chuẩn, nối từ vị trí số 6 đến vị trí số 7 dài: 18m;

+ Cạnh phía Bắc giáp đất giao cho chị H, lấy điểm đầu là vị trí số 9 làm chuẩn, nối từ vị trí số 9 đến vị trí số 3 dài: 24,31m.

- Chia cho chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau: Đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 39, tờ bản đồ số 40) ở thôn 7 (xóm 15 cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, vị trí phía Bắc, diện tích là

520m², trong đó: Đất ở 150m², đất vườn 260m², đất ao 110m²; nhà cấp 4, bể nước ăn, bếp lợp pro xi măng, nhà vệ sinh, nhà tắm, chuồng lợn, sân trệt xi măng, trụ cổng (02 trụ), 1,63m tường đầu xây gạch bi, 05m tường đầu xây gạch đỏ, 01 tủ chè gỗ gụ đã cũ, 01 bộ bàn ghế xa lông lan (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế tựa ngắn) đã cũ, 01 giường đôi (1,6m x 02m) đã cũ.

Tổng trị giá tài sản chị H được chia là 169.082.737đ (*Một trăm sáu mươi chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng*) và toàn bộ cây cối, hoa màu trên phần đất chị H được chia.

Tứ cận thửa đất như sau (có sơ đồ chia tách đất kèm theo):

+ Cạnh phía Đông giáp đường trục xã, lấy điểm đầu là vị trí số 1 làm chuẩn, là điểm nối từ vị trí số 1 đến vị trí số 3 dài 20,15m;

+ Cạnh phía Tây giáp hộ ông Phạm Văn N, lấy điểm đầu là vị trí số 9 làm chuẩn, nối từ vị trí số 9 đến vị trí số 10 dài: 18,83m;

+ Cạnh phía Nam giáp đất chia cho anh Nguyễn Văn H, lấy điểm đầu là vị trí số 3 làm chuẩn, nối từ vị trí số 3 đến vị trí số 9 dài: 24,31m;

+ Cạnh phía Bắc giáp ruộng nước và đường xóm, lấy điểm đầu là vị trí số 10 làm chuẩn, nối từ vị trí số 10 đến vị trí số 12 dài: 27,65m; nối từ vị trí số 12 đến vị trí số 1 dài 1,55m.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản trả cho nhau.

4. Chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 2.656.000đ (*Hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn*) đồng.

5. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản là 5.679.213 đồng. Cộng là 5.979.213đ, làm tròn thành 5.979.000đ. Được đối trừ số tiền 4.050.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0003645 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 1.929.000đ (*Một triệu chín trăm hai mươi chín nghìn*) đồng.

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí chia tài sản là: 8.454.136đ, làm tròn thành 8.454.000đ (*Tám triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn*) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy